ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP LỊCH SỬ 10
CHỦ ĐỀ 1. LỊCH SỬ VÀ SỬ HỌC
Bài 1. Hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức

1. Lịch sử là gì?

Lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ. Lịch sử loài người là toàn bộ những hoạt động của con người từ khi xuất hiện đến ngày nay, bao gồm lịch sử quá trình tương tác của con người với tự nhiên và quá trình con người tương tác với nhau.

Lịch sử được hiểu theo hai nghĩa khác nhau: hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức.

- Hiện thực lịch sử: là tất cả những gì đã diễn ra trong quá khứ; tồn tại khách quan, không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người.
- Lịch sử được con người nhận thức: là những hiểu biết của con người về hiện thực lịch sử, được trình bày và tái hiện theo nhiều cách khác nhau như kể chuyện, ghi chép, nghiên cứu, trình diễn, lập đài tưởng niệm, sáng tác văn học, nghệ thuật,...

Giữa hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức luôn có khoảng cách. Con người không thể nhận thức đầy đủ toàn bộ những gì đã diễn ra trong quá khứ. Mức độ nhận thức phụ thuộc vào nguồn sử liệu, phương pháp nghiên cứu, trình độ, quan điểm và mục đích của người tìm hiểu lịch sử.

2. Sử học là gì?

Sử học là khoa học nghiên cứu về quá khứ của loài người.

Đối tượng nghiên cứu của Sử học là toàn bộ quá khứ của loài người, bao gồm các hoạt động của một cá nhân, một nhóm người, một cộng đồng người hay một quốc gia, khu vực trong quá khứ.

3. Chức năng và nhiệm vụ của Sử học

Sử học có nhiều chức năng và nhiệm vụ quan trọng, có thể khái quát ở các phương diện sau:

- Chức năng khoa học: khôi phục các sự kiện lịch sử đã diễn ra trong quá khứ; rút ra bản chất của các quá trình lịch sử để phát hiện quy luật vận động và phát triển của lịch sử.
- Chức năng xã hội: giáo dục tư tưởng, tình cảm, đạo đức; rút ra bài học kinh nghiệm cho cuộc sống hiện tại.
- Nhiệm vụ nhận thức: cung cấp tri thức khoa học, giúp con người hiểu biết về quá khứ lịch sử của nhân loại, quốc gia, dân tộc, cộng đồng và cá nhân.
- Nhiệm vụ giáo dục: góp phần truyền bá những giá trị truyền thống tốt đẹp trong lịch sử cho thế hệ sau. Góp phần giáo dục đạo đức tinh thần dân tộc, tình yêu quê hương đất nước, bồi dưỡng lòng khoan dung, nhân ái,….
- Nhiệm vụ dự báo: thông qua việc tổng kết thực tiễn, rút ra bài học kinh nghiệm. Sử học góp phần dự báo tương lai của đất nước, nhân loại.

Bài 2. Tri thức lịch sử và cuộc sống

1. Sự cần thiết của việc học tập, khám phá lịch sử suốt đời

- Học tập, biết vận dụng những tri thức, kinh nghiệm từ quá khứ vào cuộc sống hiện tại, cũng như định hướng cho tương lai.
- Những bí ẩn trong nghiên cứu lịch sử là cơ hội thôi thúc những người đi sau tham gia tìm tòi, khám phá nhằm hoàn chỉnh hơn nhận thức chung, làm giàu tri thức lịch sử.
- Việc trang bị những tri thức lịch sử - văn hóa - văn minh của nhân loại thể hiện sự tôn trọng sự khác biệt, đa dạng về truyền thống và văn hóa của dân tộc; vừa chủ động tiếp thu có chọn lọc những thành tựu văn hóa nhân loại, vừa biết cách tôn vinh, bảo tồn, phát huy giá trị tốt đẹp và bản sắc văn hóa Việt Nam.
- Học tập và tìm hiểu lịch sử cũng đưa lại cho chúng ta những cơ hội nghề nghiệp mới đầy thú vị.

2. Kết nối lịch sử với cuộc sống, cuộc sống với lịch sử

Cách thức học tập và tìm hiểu lịch sử:

- Thông qua các giờ học, bài học trên lớp.
- Tham quan bảo tàng, di tích lịch sử - văn hóa.
- Xem các tác phẩm văn học, nghệ thuật sáng tác theo các chủ đề lịch sử,...

→ Trong cuộc sống, những gì quanh ta đều được coi là những chứng nhân lịch sử, đều có những câu chuyện lịch sử riêng cần được tìm hiểu.

→ Biết vận dụng những bài học lịch sử để giải thích những vấn đề thời sự trong nước và thế giới, để tránh được những sai lầm trong quá khứ, kế thừa, phát huy được những di sản quý báu trong cuộc sống hiện tại và tương lai,... là cách kết nối lịch sử với cuộc sống, cuộc sống lịch sử mang lại giá trị và ý nghĩa to lớn.

3. Sưu tầm, thu thập, xử lí thông tin sử liệu trong khám phá, học tập lịch sử

- *Sưu tầm, thu thập sử liệu:*

+ Là quá trình lập danh mục sử liệu cần sưu tầm.

+ Tìm kiếm, thu thập thông tin liên quan đến đối tượng tìm hiểu.

+ Các nguồn sử liệu sưu tầm càng đa dạng, đầy đủ thì càng tốt.

- *Xử lí thông tin sử liệu:*

+ Là quá trình phân loại, đánh giá, thẩm định, so sánh nguồn sử liệu đã thu thập được.

+ Nhằm xác định tính xác thực, độ tin cậy và giá trị của sử liệu cũng như thông tin mà sử liệu đó phản ánh đối với việc tìm hiểu, khám phá lịch sử.

CHỦ ĐỀ 2. VAI TRÒ CỦA SỬ HỌC

Bài 3. Vai trò của Sử học

1. Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên

a. Mối quan hệ giữa sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên.

- Giá trị của di sản thường được thể hiện ở nhiều khía cạnh: lịch sử, văn hóa, kiến trúc, mĩ thuật, cảnh quan thiên nhiên,…
- Công tác bảo tồn và phát huy giá trị của di sản đảm bảo các yêu cầu cốt loi như: đảm bảo tính nguyên trạng, giữ được "yếu tố gốc cấu thành di tích", đảm bảo "tính xác thực", "tính toàn vẹn", "giá trị nổi bật".

b. Vai trò của công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên

- Di sản văn hóa vật thể gồm nhiều loại hình như thành quách, lăng tẩm, đình, đền, chùa, cung điện, nhà cổ,... được xây dựng bằng nhiều chất liệu khác nhau nên có thể bị biến dạng, xuống cấp, hư hỏng theo thời gian. Công tác bảo tồn giúp hạn chế, khắc phục những tác động tiêu cực của điều kiện tự nhiên và con người.
- Di sản văn hóa phi vật thể chỉ tồn tại trong đời sống xã hội và gắn với chủ thể văn hóa. Công tác bảo tồn nhằm lưu giữ, truyền dạy, trình diễn,... để những giá trị đó được tái tạo, gìn giữ và truyền lại cho các thế hệ sau.
- Đối với di sản thiên nhiên, công tác bảo tồn và phát huy giá trị giúp gìn giữ cảnh quan, hệ sinh thái, đa dạng sinh học và làm tăng giá trị khoa học của di sản.

2. Sử học với sự phát triển du lịch

a. Vai trò của lịch sử và văn hóa đối với sự phát triển du lịch

- Những giá trị về lịch sử và văn hóa của mỗi dân tộc, của toàn nhân loại là nguồn tài nguyên quý báu của du lịch, đặc biệt là du lịch văn hóa. Tri thức lịch sử giúp xác định, giải thích, giới thiệu và làm nổi bật giá trị của các di tích, di sản, sự kiện, nhân vật và không gian văn hóa phục vụ du lịch.
- Sử học góp phần tạo ra nội dung, câu chuyện và giá trị tri thức cho sản phẩm du lịch; đồng thời giúp hoạt động du lịch được tổ chức trên cơ sở tôn trọng tính xác thực và giá trị lịch sử - văn hóa.

b. Vai trò của du lịch đối với công tác bảo tồn di tích lịch sử, di sản văn hóa

- Trong mối quan hệ tương tác hai chiều, du lịch phát triển góp phần thúc đẩy việc bảo vệ di sản văn hóa, di tích lịch sử của các quốc gia.
- Nhu cầu tham quan, tìm hiểu, trải nghiệm của du khách thôi thúc các cấp chính quyền và nhân dân quan tâm hơn đến việc gìn giữ, bảo tồn, phục dựng và phát huy những gia strij của di tích, di sản.
- Một phần doanh thu từ du lịch được tái đầu tư vào việc bảo tồn, tôn tạo, tôn vinh, phục dựng và quản lí di tích lịch sử - văn hóa, di sản vật thể. Cùng với đó, di sản văn hóa phi vật thể cũng được sưu tầm, nghiên cứu, phục dựng, truyền dạy và tổ chức trình diễn,…

CHỦ ĐỀ 3. MỘT SỐ NỀN VĂN MINH THẾ GIỚI THỜI CỔ - TRUNG ĐẠI

Bài 4. Khái niệm văn minh. Một số nền văn minh phương Đông thời cổ - trung đại

1. Khái niệm văn minh

- Văn minh là sự tiến bộ về vật chất và tinh thần của xã hội loài người; là trạng thái phát triển cao của nền văn hóa, khi xã hội loài người vượt qua trình độ của thời kì dã man.
- Những tiêu chuẩn cơ bản để nhận diện văn minh gồm: nhà nước, đô thị, chữ viết, những tiến bộ về tổ chức xã hội, luân lí và kĩ thuật để cải thiện cuộc sống của con người.
- Văn hóa là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo nên. Văn hóa tạo ra đặc tính, bản sắc của một xã hội hoặc nhóm người trong xã hội.

2. Một số nền văn minh phương Đông thời cổ - trung đại

Những nền văn minh đầu tiên trên thế giới hình thành từ khoảng cuối thiên niên kỉ IV TCN ở khu vực Đông Bắc châu Phi và Tây Á. Trong thời cổ - trung đại, nhiều nền văn minh lớn ở phương Đông đã hình thành và phát triển, trong đó có Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ và Trung Hoa.

a. Những thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập cổ đại

- **Chữ viết:** người Ai Cập cổ đại sáng tạo ra một trong những hệ thống chữ viết cổ xưa nhất thế giới (chữ tượng hình) từ khoảng 3000 năm TCN. Trên cơ sở đó người Phê – ni- xi, đã tạo ra bảng chữu cái Phê – ni – xi, được cho là nguồn gốc của những bảng chữ cái ngày nay. Nhờ có chữ viết, người Ai Cập cổ đại đã ghi chép để lại nhiều tư liệu quý giá thuộc các lĩnh vực: Lịch sử, Văn học, Thiên văn học, Toán học.,..
- **Khoa học, kĩ thuật**: có nhiều đóng góp vĩ đại cho các ngành khoa học, kĩ thuật của nhân loại đcặ biệt là Toán học, Thiên văn học và Y học. Người Ai Cập biết đếm theo hệ thập phân, tính diện tích hình tam giác, hình chữ nhật, biết sử dụng số Pi= 3,16,..; làm lịch dựa vào chu kì vận động của Mặt Trời.; Về Y học đx có hiểu biết tương chính xác về các cơ quan trong cơ thể con người. Đặc biệt, họ đã sử dụng những kiến thức về giải phẫu để chữa bệnh và ướp xác.
- **Kiến trúc, điêu khắc:** nổi bật là cung điện, đền thờ và kim tự tháp. Nhiều công trình kiến trúc điêu khắc của người Ai Cập cổ đại vẫn còn hiện hữu đến tận ngày nay. Là sự hiện thân cho sức lao động và trí tuệ sự sáng tạo vĩ đại của con người.

b. Những thành tựu tiêu biểu của văn minh Ấn Độ thời cổ - trung đại

- **Tư tưởng, tôn giáo:** Ấn Độ là quê hương của nhiều tư tưởng, tôn giáo lớn. Bà La Môn giáo - Hin-đu giáo có nguồn gốc lâu đời; Phật giáo ra đời vào khoảng thiên niên kỉ I TCN và truyền bá rộng rãi; nhiều tư tưởng tôn giáo của Ấn Độ có ảnh hưởng sâu rộng ở châu Á.
- **Chữ viết:** Chữ viết cổ nhất Ấn Độ được tìm thấy trong nền văn minh sông Ấn. Về sau, Ấn Độ xuất hiện chữ Kha – rốt – thi và chữ Bra – mi. Trên cơ sở đó người Ấn Độ tạo ra chữ san –xcrít (tiếng Phạn). Chữ viết Ấn Độ được truyền bá sang nhiều nước Đông Nam Á, được cải biến thành chữ viết của một số quốc gia trong khu vực.
- **Văn học, nghệ thuật:** văn học Ấn Độ có nhiều thành tựu rực rỡ, tiêu biểu là kinh Vê-đa, hai bộ sử thi Ma-ha-bha-ra-ta và Ra-ma-ya-na, các tác phẩm của Ca-li-đa-sa. Nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc của Ấn Độ chịu ảnh hưởng của tôn giáo. Cột đá, chùa và tháp Phật giáo; đền thờ, lăng mộ Hin – đu giáo; thánh đường, cung điện Hồi giáo. Kiến trúc điêu khắc của Ấn Độ ảnh hưởng đến nhiều nước trên thế giới, đặc biệt là các quốc gia Đông Nam Á.
- **Khoa học, kĩ thuật:** người Ấn Độ sớm đạt trình độ cao trong Toán học, Thiên văn học, Vật lí và Y học.

+ **Toán học:** Họ sáng tạo 10 chữ số mà ngày nay chúng ta sử dụng. Họ tính được số Pi – 3,1416,….
+ **Thiên Văn Học:** đã sớm có hiểu biết về vũ trụ, Mặt Trời và các hành tinh. Họ đã biết đặt ra lịch. Trong Vật lí đã nêu ra được thuyết nguyên tử , khẳng định được lực hấp dẫn của Trái Đất.
+ **Y học – Dược học**: Người Ấn Độ đã có nhiều ghi chép về bệnh lí học, giải phẫu học độc dược học và biết sử dụng phẫu thuật để chắp xương sọ, lấy sỏi thận,…

c) Những thành tựu tiêu biểu của văn minh Trung Hoa thời cổ - trung đại

Văn minh Trung Hoa hình thành và phát triển trên một khoảng không gian rộng lớn ở phía Đông Bắc châu Á với hàng nghìn dòng sông lớn nhỏ, trong đó quan trọng nhất là Hoàng hà và Trường Giang.

- **Tư tưởng, tôn giáo:** Các học thuyết tư tưởng tôn giáo của Trung Hoa hình thành từ rất sớm để giải thích về thế giới và đề xướng các biện pháp cai trị đất nước. Nho giáo, Đạo giáo, Mặc gia,

Pháp gia và các thuyết Âm dương, Bát quái, Ngũ hành từ thời cổ đại đã trở thành nền tảng quan trọng về tư tưởng, thế giới quan của người Trung Hoa, đồng thời có ảnh hưởng đến nhiều qốc gia khác như: Nhật Bản, Triều Tiên, Việt Nam,… Phật giáo được du nhập vào Trung Hoa khoảng những thế kỉ đầu Công nguyên, được cải biến và phát triển rực rỡ, sau đó lan tỏa, ảnh hưởng ra các quốc gia khác trong khu vực.

- **Chữ viết:** từ những loại hình chữ viết xuất hiện cổ nhất từ thời kì nhà Thương bao gồm chữ khắc trên mai rùa, xương thú (chữ giáp cốt), chữ viết Trung Hoa không ngừng được cải tiến và phát triển thành chữ Hán ngày nay.
- **Văn học, nghệ thuật:** kho tàng văn học Trung Hoa đồ sộ, đa dạng về thể loại, nội dung phong cách nghệ thuật: thơ ca, kịch và tiểu thuyết đạt nhiều thành tựu; tiêu biểu có thơ Đường với các nhà thơ tiêu biểu: Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị và các tiểu thuyết chương hồi nổi tiếng như Tam quốc diễn nghĩa, Thủy hử, Tây du kí, Hồng lâu mộng. Nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc có nhiều công trình như Vạn Lý Trường Thành, Tử Cấm Thành, lăng mộ, cung điện, chùa tháp.
- **Khoa học, kĩ thuật**:

+ **Toán học:** đã sử dụng hệ số đếm thập phân, tính được diện tích hình phẳng, hình khối, lần đầu tiên tính được số Pi chín xác tới 7 chữ số. Phát minh ra bàn tính.
+ **Thiên văn học:** đã có ghi chép về nhật thực, nguyệt thực. Sớm đặt ra lịch để phục vụ đời sống.
+ **Y học – Dược học :** Trong lịch sử Trung Hoa thời cổ - trung đại xuất hiện nhiều thầy thuốc nổi tiếng như: Hoa Đà, Trương Trọng Cảnh,…
+ **Sử học**: Có bộ Xuân Thu (biên niên sử đầu tiên), Sử kí Tư Mã Thiên,… Những tác phẩm này không chỉ có giá trị sử học mà còn là những di sản văn hóa quý báu của nền văn minh Trung Hoa.
+ Người Trung Hoa có bốn phát minh lớn về kĩ thuật gồm: Kĩ thuật làm giấy, kĩ thuật in, thuốc súng và la bàn.

Ý nghĩa:

+ Những thành tựu về khoa học, kĩ thuật của văn minh Trung Hoa có ý nghĩa to lớn, chứng tỏ sự phát triển của nền văn minh này. Hơn nữa, nhiều thành tựu còn sớm được truyền bá đến các nước láng giềng, sang cả Tây Á, sau đó lan truyền và thậm chí được ứng dụng rộng rãi ở châu Âu.
+ Những thành tựu của văn minh Trung Hoa đã để lại nhiều dấu ấn và ảnh hưởng trong lịch sử nhân loại, đặc biệt là đối với khu vực Đông Á. Sự truyền bá của những thành tựu là minh chứng cho sự ảnh hưởng của nền văn minh Trung Hoa, cũng như mối liên hệ về văn hoá, tri thức, khoa học, kĩ thuật giữa phương Đông và phương Tây.

Bài 5. Một số nền văn minh phương Tây thời cổ - trung đại

1. Những thành tựu tiêu biểu của văn minh Hy Lạp - La Mã thời cổ đại

- Chữ viết: người Hy Lạp cổ đại đã xây dựng bảng chữ cái ghi âm của mình từ khoảng thế kỉ IX – VIII TCN, bảng chữu cái Hy Lạp được hoàn thiện với 24 chữ cái. Người La Mã là chữ La – tinh . Đến nay chữ La – tinh là loại chữ viết được sử dụng phổ biến nhất thế giới. Hệ thống chữ số La Mã mà ngày nay chúng ta vẫn đang sử dụng cũng là một cống hiến lớn của người La Mã cổ đại.

- Văn học, nghệ thuật:

Nền văn học của Hy Lạp và La Mã cổ đại ***đã*** đặt nền móng cho văn học phương Tây.

+ Thần thoại Hy Lạp .
+ Sử thi: tiêu biểu là hai bộ sử thi I-li-át và Ô-đi-xê của Hô-me.
+ Kịch: nổi tiếng của Hy Lạp như Ơ-đíp làm vua của Xô-phốc-lơ…
+ Kiến trúc, điêu khắc đạt trình độ cao; nổi bật có đền Pác-tê-nông, đấu trường Cô-li-dê,… các tác phẩm điêu khắc hội họa xuất sắc nhất của Hy Lạp – La Mã cổ đại là: tượng Lực sĩ ném đĩa, tượng A – tê – na, tượng thần Vệ nữ thành Mi- lô.

- Khoa học, kĩ thuật:

- Đạt được nhiều thành tựu trên các lĩnh vực khác nhau, gắn liền với tên tuổi của các nhà khoa học nổi tiếng:

+ Toán học: Talét, Pi-ta-go, Ơ-clít,
+ Vật lí: Ác-si-mét

+ Y học: Hi-pô-crát.
+ Sử học: Hy Lạp với sử gia đầu tiên là Hê-rô-đốt. Sử học La Mã với những nhà sử học như Tuy-xi-đít,…, Pô-li-bi-út, Ti-tút Li-vi-út,…
+ Người Hy Lạp đã biết tính lịch theo chu kì chuyển động của Mặt Trời. Về sau, người La Mã tính được 1 năm có 365 ngày và 1/4 ngày. Lịch của họ đã rất gần với hệ thống dương lịch được sử dụng phổ biến ngày nay.
+ Ứng dụng khoa học vào thực tiễn cuộc sống như: chế tạo bê tông, sử dụng hệ thống đòn bẩy, chế tạo máy bắn đá,...
- **Tư tưởng, tôn giáo:** triết học Hy Lạp - La Mã phát triển mạnh với nhiều trường phái và nhà tư tưởng. Triết học Hy Lạp và La Mã cổ đại chia thành hai trường phái chính:
+ Triết học duy vật: Talet, Hê – ra – clíts,…
+ Triết học duy tâm: Xô - crát, Pla - tôn, A – rít xtot,..
+ Ki-tô giáo hình thành vào thế kỉ I ở phần lãnh thổ phía Đông của đế quốc La Mã.

- **Thể thao:** Olimpic là Đại hội thể thao nổi tiếng ở Hy Lạp cổ đại. Đại hội được tổ chức 4 năm 1 lần vào mùa hè ở Ô-lim-pi-a, với nhiều môn thi đấu như đi bộ, vật tự do, đua ngựa,…

2. Những thành tựu tiêu biểu của văn minh thời Phục hưng

Thời Phục hưng diễn ra từ thế kỉ XIV đến thế kỉ XVII. Văn hóa phục hưng – một trào lưu văn hóa ở Tây Âu trên cơ sở phục hưng lại những thành tựu và giá trị của văn minh Hy Lạp – La Mã cổ đại.

- **Văn học, nghệ thuật:**
- Đạt nhiều thành tựu trên cả 3 lĩnh vực là thơ, tiểu thuyết và kịch.
+ Thơ: "Thần khúc" của Đan-tê.
+ Tiểu thuyết : "Đôn Ki-hô-tê" của Xéc-van-téc, Phơ-răng-xoa Ra-bơ-le
+ Kịch : "Rô-mê-ô và Giu-li-ét", "Ham-let",..của Sếch-xpia.
- Lê-ô-na đơ Vanh-xi với những tuyệt tác như Nàng Mô-na Li-sa, Bữa ăn tối cuối cùng,..
- Mi-ken-lăng-giơ với các tác phẩm nổi tiếng: tượng Đa-vít, tượng Đức Mẹ sầu bi…
- Ra-pha-en với các tác phẩm như Trường học A-ten, Chúa Ki-tô bị đóng đinh, Khu vườn xinh đẹp,…
- Nhà thờ Thánh Pi-tơ và Thánh Phê - rô (ở Va-ti-căng)…
- Trong kiến trúc, chú trọng yếu tố hình học, tính đối xứng, tỉ lệ.

- **Khoa học, kĩ thuật:** Gắn liền với sự đóng góp của các nhà khoa học trên các lĩnh vực: Toán học, Thiên văn học
+ Lĩnh vực khoa học nổi bật nhất là Thiên văn học với các nhà khoa học Cô-péc-ních, Bru-nô, Ga-li-lê.
+ Có nhiều tiến bộ về kĩ thuật, đặc biệt là các ngành dệt, khai mỏ, luyện kim, đóng tàu, chế tạo vũ khí,...
- Tư tưởng: đề cao giá trị con người, tinh thần tự do, lí trí và tư duy khoa học; phê phán những tư tưởng lỗi thời và sự kìm hãm của chế độ phong kiến, Giáo hội đối với con người.

Ý nghĩa: Thành tựu của Văn hoá Phục hưng có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với văn minh Tây Âu và nhân loại. Văn hoá Phục hưng được coi là cuộc đấu tranh công khai đầu tiên trên lĩnh vực văn hoá, tư tưởng của giai cấp tư sản chống lại chế độ phong kiến lỗi thời, mở đường cho văn minh Tây Âu phát triển trong những thế kỉ tiếp theo.

CHỦ ĐỀ 4. CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP TRONG LỊCH SỬ THẾ GIỚI

Bài 6. Các cuộc cách mạng công nghiệp thời cận đại

1. Thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất

Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất diễn ra vào khoảng nửa sau thế kỉ XVIII, bắt đầu ở Anh, sau đó lan ra nhiều nước ở châu Âu và Bắc Mỹ. Những tiến bộ kĩ thuật chủ yếu diễn ra trong các ngành dệt, cơ khí, luyện kim và giao thông vận tải.

- Năm 1764, Giêm Ha-gri-vơ phát minh máy kéo sợi Gien-ni
- Năm 1769, R. Ác-crai chế tạo máy kéo sợi chạy bằng sức nước.
- Năm 1785, Ét-mơn Các-rai chế tạo máy dệt chạy bằng sức.
- Năm 1784 Giêm Oát chế tạo thành công máy hơi nước tạo ra nguồn động lực mới làm giảm năng xuất lao động chân tay của con người thúc đẩy sản xuất phát triển vượt bậc.
- Trong luyện kim, luyện quặng theo phương pháp pút-đinh của Hen-ri Cót.
- Trong giao thông vận tải: Rô - bớt- Phơn- tơn ứng dụng động cơ hơi nước chế tạo thành công tàu thủy chở khách đầu tiên. Xti- phen – Xơn chế tạo thành công đầu máy xe lửa đầu tiên.

2. Thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ hai

Cách mạng công nghiệp lần thứ hai diễn ra từ nửa sau thế kỉ XIX đến khi Chiến tranh thế giới thứ nhất nổ ra. Cuộc cách mạng diễn ra trong bối cảnh các nước Tây Âu và Mỹ đạt được những thành tựu quan trọng.

- Luyện kim: phương pháp sử dụng lò cao của Hen-ri Bét-xơ-me cho ra dẫn đến sự ra đời của các nguyên liệu mới.
- Điện: Những phát minh về điện của Mai – cơn – Pha – ra – đây (Anh) Năm 1879, Thô-mát Ê-đi-xơn đã phát minh ra bóng đèn điện. Là cơ sở cho sự ra đời của động cơ điện, điện thoại vô tuyến điện,…

- Động cơ đốt trong và giao thông vận tải:

+ 1860: Động cơ đốt trong được sử dụng rộng rãi

- Năm 1886: Chiếc ô tô đầu tiên trên thế giới đã được Các Ben (Đức) phát minh nhờ cải tiến động cơ đốt trong.
- Năm 1903, hai anh em người Mỹ là Vin-bơ Rai và Oóc-vin Rai chế tạo thành công chiếc máy bay đầu tiên

3. Ý nghĩa của các cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai

a. Kinh tế

- Những cải tiến về kĩ thuật và phát minh ra máy móc đã làm thay đổi cách thức tổ chức sản xuất, tạo ra nhiều nguyên liệu mới, thúc đẩy công nghiệp phát triển, nâng cao năng suất lao động,...

- Cách mạng công nghiệp cũng góp phần thúc đẩy sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhiều ngành kinh tế khác, đặc biệt là nông nghiệp và giao thông vận tải, thông tin liên lạc,... Nhiều phương tiện giao thông, thông tin liên lạc mới xuất hiện, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển và cải thiện cuộc sống con người.

b. Xã hội, văn hóa

- Về xã hội, các cuộc cách mạng công nghiệp thời cận đại đưa đến sự hình thành và phát triển của nhiều trung tâm công nghiệp mới cùng là những thành thị đông dân, tiêu biểu như: Luân Đôn, Man-che-xtơ, Pa-ri, Béc-lin,... Trong xã hội, hai giai cấp đối kháng đã hình thành là tư sản công nghiệp nắm tư liệu sản xuất và vô sản làm thuê. Mâu thuẫn giữa hai giai cấp này ngày càng gay gắt, dẫn đến các cuộc đấu tranh của vô sản chống lại tư sản.
- Về văn hoá, các cuộc cách mạng công nghiệp thời cận đại cũng dẫn đến những biến chuyển lớn lao trong đời sống văn hoá. Lối sống và văn hoá công nghiệp ngày càng trở nên phổ biến. Đời sống văn hoá tinh thần của người dân phong phú và đa dạng hơn với sự xuất hiện của các phương tiện như: điện thoại, ra-đi-ô, sự xuất hiện của điện ảnh,... Sự giao lưu, kết nối văn hoá giữa các quốc gia, châu lục càng được đẩy mạnh.